

Số: 21/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Trung Hiếu.

Thư ký phiên họp: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh cơ sở chính mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 11/2026/LĐST -VLĐ ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 11/2026/QĐST-VLĐ ngày 15 tháng 01 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, Q, xã Q, tỉnh Nghệ An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Công ty cổ phần S, địa chỉ: Đường số D, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A Q, xã Q, tỉnh Nghệ An, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Bảo hiểm xã hội cơ sở Bình Dương - Thành phố H; địa chỉ: Đường L, khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Tại đơn yêu cầu giải quyết việc lao động đề ngày 23 tháng 12 năm 2025 bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà Nguyễn Thị L làm việc tại Công Ty TNHH F từ tháng 11/2006 đến tháng 7/2024 và tham gia BHXH 0206386147. Đến nay bà L đi làm thủ tục bảo hiểm xã hội thì được biết khoảng từ tháng 9/2007 đến tháng 02/2008, bà Nguyễn Thị T có sử dụng thông tin cá nhân của bà L để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần S, có đóng bảo hiểm xã hội số 9107189166. Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa người

lao động và Công ty Cổ phần S là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố Hợp đồng lao động tên Nguyễn Thị L (thực tế do bà T làm việc và ký kết) với Công ty Cổ phần S vô hiệu.

Hậu quả của hợp đồng đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị L là người cùng quê, do khoảng năm 2007 bà T chưa đủ tuổi để ký kết hợp đồng lao động nên bà T có mượn thông tin của bà Nguyễn Thị L để giao kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty Cổ phần S, địa chỉ: đường D, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh khoảng thời gian từ tháng 9/2007 đến tháng 02/2008 và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 9107189166. Nay bà L yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động tên Nguyễn Thị L (thực tế do bà T làm việc và ký kết) với Công ty Cổ phần S vô hiệu thì bà T cũng đồng ý. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tất cả các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: Trong thời gian từ tháng 09/2007 đến tháng 02/2008, bà Nguyễn Thị T sử dụng dùng hồ sơ của bà Nguyễn Thị L làm việc tại Công ty Cổ phần S, địa chỉ: đường D, khu công nghiệp Đ, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội với tên Nguyễn Thị L theo mã số BHXH 9107189166; bà L và bà T đều xác định bà L cho bà T mượn giấy tờ, thông tin để làm hồ sơ xin việc, trong thời gian nay bà Nguyễn Thị L thực tế có ký kết hợp đồng lao động, làm việc tại Công ty TNHH F và tham gia BHXH theo mã số 0206386147. Lời khai của bà L, bà T phù hợp với thông tin do Bảo hiểm xã hội Thành phố H cung cấp, từ tháng 6/2007 đến tháng 02/2008 bà L tham gia BHXH tại Công ty Cổ phần S và tham gia BHXH với mã số 9107189166, đồng thời khoảng thời gian từ tháng 11/2006 đến 07/2024, người lao động Nguyễn Thị L còn tham gia BHXH nơi làm việc Công ty TNHH F và tham gia BHXH theo mã số 0206386147.

Do đó, có cơ sở xác định việc bà T mượn hồ sơ cá nhân của bà L để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 9107189166 từ tháng 9/2007 đến tháng 02/2008 tại Công ty Cổ phần S là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty Cổ phần S theo sổ bảo hiểm xã hội số 9107189166 bị vô hiệu.

[4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: "...Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu", chấp nhận yêu cầu của bà L và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty Cổ phần S trong giai đoạn từ 9/2007 đến tháng 02/2008 không phải là bà Nguyễn Thị L. Bà L, bà T có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107189166.

[5] Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm năm 2002, năm 2006, năm 2007);

- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị L.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty Cổ phần S (theo sổ Bảo hiểm xã hội 9107189166) là vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội 9107189166 không phải là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, CCCD 040188016315. Bà Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 9107189166.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0000375 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Trung Hiếu